

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN LONG BIÊN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 05/02/2021

V/v: *Tranh chấp về ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Văn Ngọc

Các hội thẩm nhân dân: Bà Đặng Thị Nhác và ông Tạ Đức Minh

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Lưu Tuấn Long - Cán bộ TAND
quận Long Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên tham gia phiên toà: Bà
Nguyễn Thị Thanh Hương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 2 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Long Biên
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 687/2020/TLST- HNGĐ ngày 19/11/2020
về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2021/QĐXX-
HNGĐ ngày 27 tháng 1 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1985; HKTT: Tổ 19
phường Thượng Thanh, quận Long Biên, Hà Nội.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978; HKTT: phố Đức Giang, tổ
22A, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội.

(Chị H và anh T xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị
Thanh H trình bày:***

*Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có
đăng ký kết hôn ngày 16/9/2013 tại UBND phường Đức Giang, quận Long Biên,
Hà Nội. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống cùng gia đình chồng tại phố Đức
Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội. Tháng 2/2014 thì hai vợ
chồng sống ly thân, chị và con chuyển về sinh sống tại nhà mẹ đẻ tại tổ 19 phường
Thượng Thanh, quận Long Biên, Hà Nội, còn anh T vẫn sinh sống tại nhà bố mẹ
đẻ tại Đức Giang cho đến tháng 7/2019 thì vợ chồng quay lại sống chung. Tuy
nhiên quá trình chung sống hai vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất
đồng quan điểm, lối sống suy nghĩ không hợp nhau. Hai vợ chồng lại sống ly thân
từ tháng 7/2020 cho đến nay. Nay xác định mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng và kéo

dài, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

* Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 13/8/2013, hiện đang do chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu Nguyễn Minh N và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

* Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về án phí: Chị xin chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Tại bản tự khai bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

* Về hôn nhân: Anh và chị Nguyễn Thị Thanh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 16/9/2013 tại UBND phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội. Anh và chị H bất đồng quan điểm trong cuộc sống và công việc, vợ chồng bất hòa không có tiếng nói chung. Tháng 7/2020 do mắc bệnh nên anh chuyển về sinh sống với bố mẹ đẻ tại Đức Giang và vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh cũng đồng ý ly hôn.

* Về con chung: Anh và chị Nguyễn Thị Thanh H có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 13/8/2013 hiện đang do chị H chăm sóc, nuôi dưỡng. Ly hôn anh đồng ý để chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ngọc.

* Về tài sản chung vợ chồng, nợ chung vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn T đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân quận Long Biên thụ lý và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền theo quy định của khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự. Nguyên đơn và bị đơn trong vụ án có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự

Quan điểm về việc giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên: Về hôn nhân: Theo trình bày của các đương sự tại tòa án, chị H và anh T đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, thống nhất ly hôn vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử cho chị H được ly hôn anh T. Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 13/8/2013, ly hôn chị H và anh T thống nhất giao cháu N cho chị H chăm sóc nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Long Biên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng dân sự: Anh Nguyễn Văn T là bị đơn trong vụ án, hiện đang thường xuyên sinh sống tại phố Đức Giang, phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Long Biên.

Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 16/9/2013 tại UBND phường Đức Giang, quận Long Biên, Hà Nội là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình sống chung, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Vợ chồng sau khi ly thân đã quay lại sống chung một thời gian rồi lại tiếp tục sống ly thân cho đến nay thể hiện tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh T là không còn, vợ chồng không còn thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, nay chị H xin ly hôn thì anh T cũng đồng ý ly hôn.

Như vậy có đủ căn cứ để xác định mâu thuẫn vợ chồng của chị H và anh T đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài mục đích hôn nhân không đạt được, xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H với anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 13/8/2013. Khi ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận: Chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung. Cháu Nguyễn Minh N có đơn trình bày tại Tòa án: Trong trường hợp bố mẹ ly hôn, cháu có nguyện vọng xin được sống cùng với mẹ.

Xét thấy: Sự thỏa thuận của chị H và anh T là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật và nguyện vọng của con chung nên cần ghi nhận.

[4] Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị H và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Thanh H là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Thanh H.

Ghi nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung: Xác nhận chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn T có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 13/8/2013. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự: Giao con chung là cháu Nguyễn Minh N, sinh ngày 13/8/2013 cho chị Nguyễn Thị Thanh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Nguyễn Văn T kể từ tháng 2/2021 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có thay đổi khác.

Anh Nguyễn Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng số 0016638 ngày 19/11/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Long Biên, TP Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, chị Nguyễn Thị Thanh H và anh Nguyễn Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND quận Long Biên;
- UBND phường Đức Giang, Long Biên, Hà Nội;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa